

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
đã được kiểm toán*



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>02 – 03</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>04</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>05 – 31</b>
Bảng cân đối kế toán	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam là Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa (trước đây là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 107/UBCK - GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **789.934.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 31).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hùng Sơn	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 16/6/2014
Bà Đỗ Thị Thủy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/6/2014
Ông Đỗ Linh Phương	Ủy viên	
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 16/6/2014
Bà Nguyễn Thúy Hà	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 16/6/2014
Ông Vũ Trung Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/6/2014
Bà Phạm Thị Thanh Hoài	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/6/2014

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Linh Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/10/2014
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/6/2014
Bà Phan Hải Sâm	Kế toán trưởng	

## KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Linh Phương**

Số: 05.../2015/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập ngày 09 tháng 01 năm 2015, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015



Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

#### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>476.819.722.790</b>	<b>847.603.871.507</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>272.255.464.714</b>	<b>454.567.304.014</b>
1.	Tiền	111		205.255.464.714	167.567.304.014
2.	Các khoản tương đương tiền	112		67.000.000.000	287.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>35.043.768.318</b>	<b>328.686.093.744</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.04	36.073.213.615	328.784.952.160
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1.029.445.297)	(98.858.416)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.11</b>	<b>168.917.570.473</b>	<b>63.417.061.287</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		274.850.000	4.640.080.000
2.	Trả trước cho người bán	132		1.540.585.252	1.491.500.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		161.300.073.047	50.869.067.328
5.	Các khoản phải thu khác	138		5.802.062.174	6.416.413.959
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>60.490.056</b>	<b>84.987.510</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.02	60.490.056	84.987.510
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>542.429.229</b>	<b>848.424.952</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		531.229.229	836.224.952
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		11.200.000	12.200.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>662.458.472.882</b>	<b>234.669.541.320</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.420.289.225</b>	<b>5.487.762.413</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	5.675.245.014	2.130.662.408
	- Nguyên giá	222		25.617.410.387	20.958.936.744
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.942.165.373)	(18.828.274.336)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	37.745.044.211	3.357.100.005
	- Nguyên giá	228		52.283.929.722	15.528.322.872
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(14.538.885.511)	(12.171.222.867)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.04</b>	<b>600.268.692.099</b>	<b>209.652.256.656</b>
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		606.801.960.002	209.652.256.656
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		606.801.960.002	209.652.256.656
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(6.533.267.903)	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.769.491.558</b>	<b>19.529.522.251</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	8.673.389.982	10.473.824.597
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	10.096.101.576	9.055.697.654
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.139.278.195.672</b>	<b>1.082.273.412.827</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>213.282.469.410</b>	<b>182.421.548.196</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>211.642.220.599</b>	<b>180.118.164.589</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	-
2.	Phải trả người bán	312		1.166.530.373	1.056.906.434
3.	Người mua trả tiền trước	313		744.170.000	578.170.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	7.804.303.822	6.311.531.273
5.	Phải trả người lao động	315		10.046.099.252	7.074.146.520
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.066.080.218	1.160.132.321
9.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.17	182.222.479.321	153.438.477.364
10.	Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		2.657.950.264	2.828.531.222
11.	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.532.696.900	6.170.105.310
14.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1.401.910.449	1.500.164.145
15.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.640.248.811</b>	<b>2.303.383.607</b>
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		1.640.248.811	2.303.383.607
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>925.995.726.262</b>	<b>899.851.864.631</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>925.995.726.262</b>	<b>899.851.864.631</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		789.934.000.000	789.934.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		6.273.512.734	1.920.020.630
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		14.178.547.272	10.916.698.457
4.	Cổ phiếu quỹ (*)			(255.742.104)	(8.989.300.000)
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		14.178.547.272	10.916.698.457
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		101.686.861.088	95.153.747.087
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.139.278.195.672</b>	<b>1.082.273.412.827</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001	19.980.000.000	19.980.000.000
6.	Chứng khoán lưu ký	006	8.145.158.750.000	5.252.280.310.000
	Trong đó:			
6.1.	Chứng khoán giao dịch	007	5.267.731.070.000	4.989.727.650.000
6.1.1.	<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	008	10.436.470.000	10.807.050.000
6.1.2.	<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	009	5.255.257.050.000	4.976.818.840.000
6.1.3.	<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	010	2.037.550.000	2.101.760.000
6.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	36.819.260.000	38.379.250.000
6.2.2.	<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>	014	36.819.260.000	38.379.250.000
6.3.	Chứng khoán cầm cố	017	2.512.421.990.000	101.540.760.000
6.3.2.	<i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước</i>	019	2.512.421.990.000	101.540.760.000
6.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	027	97.867.650.000	104.602.760.000
6.5.1	<i>Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký</i>	028	-	300.000.000
6.5.2	<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>	029	97.867.650.000	104.302.760.000
6.6.	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	12.900.000.000
6.6.1.	<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký</i>	034	-	12.900.000.000
6.7.	Chứng khoán chờ giao dịch	037	2.725.890.000	5.129.890.000
6.7.1	<i>Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký</i>	038	110.000	100.000
6.7.2	<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước</i>	039	2.725.780.000	5.129.330.000
6.7.3	<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	040	-	460.000
6.8	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	227.592.890.000	-
6.8	<i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước</i>	044	227.592.890.000	-
7.	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	126.052.900.000	19.839.520.000
	Trong đó:			
7.1	Chứng khoán giao dịch	051	126.052.900.000	19.839.520.000
7.1.1	<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	052	4.140.000	19.839.520.000
7.1.2	<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	053	126.028.760.000	-
7.1.3	<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	054	20.000.000	-
8.	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	21.800.000
9.	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	110.686.990.000	350.807.660.000

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Diệu Thúy



Phan Hải Sâm



Đỗ Linh Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>177.266.455.922</b>	<b>148.476.314.227</b>
	<i>Trong đó:</i>				
-	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		53.961.052.999	30.181.228.733
-	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		58.406.808.039	67.065.890.654
-	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		300.000.000	1.191.000.000
-	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		1.910.000.000	65.000.000
-	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		30.095.288.749	9.182.810.797
-	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.781.943.366	5.762.702.485
-	Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
-	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
-	Doanh thu khác	01.9		27.811.362.769	35.027.681.558
2.	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>177.266.455.922</b>	<b>148.476.314.227</b>
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	11		60.708.722.960	35.262.114.942
5.	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>116.557.732.962</b>	<b>113.214.199.285</b>
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.619.249.144	27.666.533.034
7.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>82.938.483.818</b>	<b>85.547.666.251</b>
8.	Thu nhập khác	31		235.701.727	12.886.581
9.	Chi phí khác	32		4.025.000	276.691
10.	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>231.676.727</b>	<b>12.609.890</b>
11.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>83.170.160.545</b>	<b>85.560.276.141</b>
12.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.01	16.720.589.300	20.323.299.834
13.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>66.449.571.245</b>	<b>65.236.976.307</b>
15.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.02</b>	<b>852</b>	<b>840</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Diệu Thúy

Phan Hải Sâm



Đỗ Linh Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<b>83.170.160.545</b>	<b>85.560.276.141</b>
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		4.215.807.188	5.009.511.328
-	Các khoản dự phòng	03		7.463.854.784	(6.385.495.312)
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64.229.204.583)	(85.282.295.803)
-	Chi phí lãi vay	06		8.750.000	754.722.222
3.	<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>30.629.367.934</b>	<b>(343.281.424)</b>
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(106.130.037.731)	39.406.836.001
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		24.497.454	(43.738.192)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		33.413.611.459	(25.708.062.452)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.105.430.338	1.527.146.388
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(8.750.000)	(754.722.222)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.644.733.735)	(19.052.887.108)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		680.000.000	1.222.800.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(10.127.534.946)	(7.185.526.294)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(67.058.149.227)</b>	<b>(10.931.435.303)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(42.148.334.000)	(1.855.130.000)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		234.992.727	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(475.000.000.000)	(526.746.250.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		380.000.000.000	747.746.250.000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.569.265.200)	(80.800.000.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	12.796.757.768
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		66.755.040.800	96.603.677.700
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(81.727.565.673)</b>	<b>247.745.305.468</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**  
 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.087.050.000	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.000.000.000	65.000.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.000.000.000)	(65.000.000.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46.613.174.400)	(46.580.209.410)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(33.526.124.400)</b>	<b>(46.580.209.410)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(182.311.839.300)</b>	<b>190.233.660.755</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>454.567.304.014</b>	<b>264.333.643.259</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>272.255.464.714</b>	<b>454.567.304.014</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Diệu Thúy

Phan Hải Sâm

Đỗ Linh Phương

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		789.934.000.000	789.934.000.000	-	-	-	-	789.934.000.000	789.934.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		1.920.020.630	1.920.020.630	-	-	4.353.492.104	-	1.920.020.630	6.273.512.734
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.279.692.642	10.916.698.457	3.637.005.815	-	3.261.848.815	-	10.916.698.457	14.178.547.272
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(8.989.300.000)	(8.989.300.000)	-	-	-	8.733.557.896	(8.989.300.000)	(255.742.104)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.279.692.642	10.916.698.457	3.637.005.815	-	3.261.848.815	-	10.916.698.457	14.178.547.272
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII.03	93.078.067.737	95.153.747.087	65.236.976.307	(63.161.296.957)	66.449.571.245	(59.916.457.244)	95.153.747.087	101.686.861.088
<b>Cộng</b>		<b>890.502.173.651</b>	<b>899.851.864.631</b>	<b>72.510.987.937</b>	<b>(63.161.296.957)</b>	<b>77.326.760.979</b>	<b>(51.182.899.348)</b>	<b>899.851.864.631</b>	<b>925.995.726.262</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Bùi Diệu Thúy

Kế toán trưởng



Phan Hải Sâm

Tổng Giám đốc



Đỗ Linh Phương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần, trong đó vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chiếm 75,6% tổng số vốn điều lệ.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

#### 3. Tổng số công nhân viên và người lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 số công nhân viên của Công ty là 118 người.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm

## **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:***

- Dự phòng giảm giá chứng khoán lập cho từng loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thực tế thị trường giảm so với giá hạch toán trên sổ kế toán.
- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị thị trường của chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không trích lập dự phòng.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:***

Được trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp: Theo thông tư 228/2009/TT-BTC và thông tư 89/2013/TT-BTC.

**04. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh**

Giá trị lợi thế kinh doanh đang phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là giá trị lợi thế kinh doanh ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

**05. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm: vốn góp của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và vốn góp của các cổ đông khác trong Công ty Cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành và tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

***Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán***

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

***Doanh thu tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

**07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	58.396.628	143.402.830
- Tiền gửi ngân hàng	190.213.308.432	162.927.775.778
Trong đó:		
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	162.349.357.201	147.827.968.209
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	14.983.759.654	4.496.125.406
Trong đó:		
+ Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của nhà đầu tư	14.927.585.157	4.277.945.846
- Các khoản tương đương tiền	67.000.000.000	287.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>272.255.464.714</u></b>	<b><u>454.567.304.014</u></b>

**02. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	7.300.000	32.895.454
- Công cụ, dụng cụ	53.190.056	52.092.056
<b>Cộng</b>	<b><u>60.490.056</u></b>	<b><u>84.987.510</u></b>

**03. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

Chỉ tiêu	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>
<b>a. Của công ty chứng khoán</b>	<b>12.307.149</b>	<b>245.226.499.600</b>
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	12.307.149	245.226.499.600
- Trái phiếu	-	-
<b>b. Của nhà đầu tư</b>	<b>1.507.026.869</b>	<b>25.683.882.558.580</b>
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	1.507.026.869	25.683.882.558.580
- Trái phiếu	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.519.334.018</u></b>	<b><u>25.929.109.058.180</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Tình hình đầu tư tài chính**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	Tăng		Giảm		31/12/2014	31/12/2013
					31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013		
<b>I. Đầu tư ngắn hạn</b>			<b>36.073.213.615</b>	<b>328.784.952.160</b>	<b>475.288.644</b>	<b>175.647.466</b>	<b>1.029.445.297</b>	<b>98.858.416</b>	<b>35.519.056.962</b>	<b>328.861.741.210</b>
<i>1. Cổ phiếu</i>	<i>975.933</i>	<i>1.145.159</i>	<i>18.573.213.615</i>	<i>12.655.327.160</i>	<i>475.288.644</i>	<i>38.644.816</i>	<i>1.029.445.297</i>	<i>98.858.416</i>	<i>18.019.056.962</i>	<i>12.595.113.560</i>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>501.392</i>	<i>680.290</i>	<i>13.018.212.817</i>	<i>7.103.913.442</i>	<i>139.730.570</i>	<i>37.940.796</i>	<i>776.764.487</i>	<i>85.807.338</i>	<i>12.381.178.900</i>	<i>7.056.046.900</i>
+ Trong đó: các cổ phiếu giảm so với giá thị trường	301.794	144.540	7.573.462.187	2.430.730.182	-	24.970.856	776.764.487	85.807.338	6.796.697.700	2.369.893.700
<i>MBB: Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	-	120.008	-	1.547.736.850	-	-	-	23.635.250	-	1.524.101.600
<i>FPT: CTCP Phát triển đầu tư công nghệ FPT</i>	7	15.000	355.280	726.000.000	-	-	19.280	19.500.000	336.000	706.500.000
<i>PLC: CTCP Hóa dầu Petrolimex</i>	198.211	-	6.679.741.980	-	-	-	733.411.980	-	5.946.330.000	-
<i>SHB: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội</i>	100.006	-	832.406.500	-	-	-	22.357.900	-	810.048.600	-
<i>Các cổ phiếu lẻ khác</i>	3.570	9.532	60.958.427	156.993.332	-	24.970.856	20.975.327	42.672.088	39.983.100	139.262.100
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>474.541</i>	<i>464.869</i>	<i>5.555.000.798</i>	<i>5.551.413.718</i>	<i>335.558.074</i>	<i>704.020</i>	<i>252.680.810</i>	<i>13.051.078</i>	<i>5.637.878.062</i>	<i>5.539.066.660</i>
+ Trong đó các cổ phiếu giảm so với giá thị trường	34.271	806	376.578.258	17.662.238	-	704.020	252.680.810	13.051.078	123.897.448	5.315.180
<i>TBPTDN: CTCP Thiết bị Phụ tùng Đà Nẵng</i>	33.271	-	355.334.280	-	-	-	235.558.680	-	119.775.600	-
<i>Các cổ phiếu lẻ và cổ phiếu bị hủy niêm yết (*)</i>	1.000	806	21.243.978	17.662.238	-	704.020	17.122.130	13.051.078	4.121.848	5.315.180
<b>2. Trái phiếu</b>	-	<b>215</b>	-	<b>215.000.000.000</b>	-	-	-	-	-	<b>215.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**04. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	Tăng		Giảm		31/12/2014	31/12/2013
					31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013		
<b>3. Chứng chỉ quỹ</b>	<b>750.000</b>	<b>149.950</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>1.129.625.000</b>	-	<b>137.002.650</b>	-	-	<b>7.500.000.000</b>	<b>1.266.627.650</b>
<b>4. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (**)</b>			<b>10.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	-	-	-	-	<b>10.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>			<b>606.801.960.002</b>	<b>209.652.256.656</b>	-	-	<b>6.533.267.903</b>	-	<b>600.268.692.099</b>	<b>209.652.256.656</b>
<b>1. Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>			<b>606.801.960.002</b>	<b>209.652.256.656</b>	-	-	<b>6.533.267.903</b>	-	<b>600.268.692.099</b>	<b>209.652.256.656</b>
<b>+ Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>9.950.324</b>	<b>9.950.324</b>	<b>152.800.000.000</b>	<b>152.800.000.000</b>	-	-	<b>6.533.267.903</b>	-	<b>146.266.732.097</b>	<b>152.800.000.000</b>
Trong đó cổ phiếu giảm so với giá thị trường										
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (***)	8.000.000	8.000.000	80.800.000.000	80.800.000.000	-	-	6.533.267.903	-	74.266.732.097	80.800.000.000
<b>+ Trái phiếu</b>	<b>40.450</b>	<b>540.000</b>	<b>454.001.960.002</b>	<b>56.852.256.656</b>	-	-	-	-	<b>454.001.960.002</b>	<b>56.852.256.656</b>

Trong đó:

(\*): Là những cổ phiếu bị hủy niêm yết trích lập theo giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(\*\*): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng theo thỏa thuận Công ty có thể rút trước hạn bất cứ thời điểm nào.

(\*\*\*): Là khoản đầu tư dài hạn trích lập theo giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện Vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>205.543.007</b>	<b>13.820.302.954</b>	<b>4.576.760.081</b>	<b>2.317.590.702</b>	<b>38.740.000</b>	<b>20.958.936.744</b>
- Mua trong năm	4.866.497.150	301.950.000	-	224.280.000	-	5.392.727.150
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(528.710.500)	-	-	(528.710.500)
- Giảm khác	(205.543.007)	-	-	-	-	(205.543.007)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.866.497.150</b>	<b>14.122.252.954</b>	<b>4.048.049.581</b>	<b>2.541.870.702</b>	<b>38.740.000</b>	<b>25.617.410.387</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>205.543.007</b>	<b>12.750.828.220</b>	<b>3.674.050.554</b>	<b>2.191.812.447</b>	<b>6.040.108</b>	<b>18.828.274.336</b>
- Số khấu hao trong năm	461.139.851	716.694.802	562.952.279	97.672.612	9.685.000	1.848.144.544
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(528.710.500)	-	-	(528.710.500)
- Giảm khác	(205.543.007)	-	-	-	-	(205.543.007)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>461.139.851</b>	<b>13.467.523.022</b>	<b>3.708.292.333</b>	<b>2.289.485.059</b>	<b>15.725.108</b>	<b>19.942.165.373</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>-</b>	<b>1.069.474.734</b>	<b>902.709.527</b>	<b>125.778.255</b>	<b>32.699.892</b>	<b>2.130.662.408</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.405.357.299</b>	<b>654.729.932</b>	<b>339.757.248</b>	<b>252.385.643</b>	<b>23.014.892</b>	<b>5.675.245.014</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 15.044.696.686 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	15.528.322.872	15.528.322.872
- Mua trong năm	36.755.606.850	-	36.755.606.850
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	36.755.606.850	15.528.322.872	52.283.929.722
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	12.171.222.867	12.171.222.867
- Số khấu hao trong năm	464.385.353	1.903.277.291	2.367.662.644
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	464.385.353	14.074.500.158	14.538.885.511
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	3.357.100.005	3.357.100.005
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	36.291.221.497	1.453.822.714	37.745.044.211

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng số tiền 12.772.022.872 đồng.

**07. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	8.166.894.461	9.981.759.893
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	506.495.521	492.064.704
<b>Cộng</b>	<b>8.673.389.982</b>	<b>10.473.824.597</b>

**08. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	2.364.741.964	419.142.602
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.605.348.420	5.529.492.855
- Thuế thu nhập cá nhân	834.213.438	362.895.816
<b>Cộng</b>	<b>7.804.303.822</b>	<b>6.311.531.273</b>

**10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

	Năm nay	Năm trước
- Tiền nộp ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
- Tiền nộp bổ sung	3.887.243.568	3.848.765.392
- Tiền lãi phân bổ trong năm	3.054.417.897	2.052.492.151
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.096.101.576</b>	<b>9.055.697.654</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Chi tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1. Phải thu của khách hàng	4.640.080.000	-		81.672.809.372	86.038.039.372	274.850.000	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	50.869.067.328	-	-	2.064.576.833.269	1.954.145.827.550	161.300.073.047	-	-	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	381.000.000	-	-	126.619.678.362	127.000.678.362	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	10.000	10.000	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	50.488.067.328	-	-	1.937.957.144.907	1.827.145.139.188	161.300.073.047	-	-	-
+ Phải thu khách hàng GDCK về phí dịch vụ	204.296.640	-	-	28.868.930.137	28.773.600.431	299.626.346	-	-	-
+ Phải thu khách hàng GDCK về ký quỹ (*)	50.283.770.688	-	-	1.909.088.214.770	1.798.371.538.757	161.000.446.701	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	1.153.523.544	1.153.523.544	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	7.907.913.959	-	-	436.509.468.068	437.074.734.601	7.342.647.426	-	-	-
- Trả trước tiền cho người bán	1.491.500.000	-	-	43.311.797.809	43.262.712.557	1.540.585.252	-	-	-
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác (**)	6.416.413.959	-	-	393.197.670.259	393.812.022.044	5.802.062.174	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>63.417.061.287</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.583.912.634.253</b>	<b>2.478.412.125.067</b>	<b>168.917.570.473</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Giá trị tài sản đảm bảo của các chứng khoán giao dịch ký quỹ căn cứ theo giá đóng cửa đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính là 510.902.290.465 đồng.

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(**) Trong đó:		
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	167.541.667	2.231.194.444
- Cổ tức	535.169.700	-
- Lãi trái phiếu	5.012.905.407	4.113.950.875
- Các khoản khác	86.445.400	71.268.640
<b>Cộng</b>	<b><u>5.802.062.174</u></b>	<b><u>6.416.413.959</u></b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Số dư đầu năm</u>	<u>Số vay trong năm</u>	<u>Số trả trong năm</u>	<u>Số dư cuối năm</u>
<i>Vay ngân hàng</i>		-	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>	-
- Ngân hàng INDOVINA - Chi nhánh Đống Đa	15%	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
<i>Vay cá nhân</i>		-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<u>-</u>	<b><u>15.000.000.000</u></b>	<b><u>15.000.000.000</u></b>	<u>-</u>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	11.569.340	10.536.135
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.054.510.878	1.149.596.186
- Phải trả cổ tức CTS cho nhà đầu tư	77.606.665	68.744.065
- Phải trả khác	976.904.213	1.080.852.121
<b>Cộng</b>	<b><u>1.066.080.218</u></b>	<b><u>1.160.132.321</u></b>

**17. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	394.724.171	290.823.234
- Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	266.868.745	223.195.991
- Phải trả tổ chức, cá nhân khác	181.560.886.405	152.924.458.139
+ Phải trả nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán	177.434.746.903	152.206.396.487
+ Phải trả khác	4.126.139.502	718.061.652
<b>Cộng</b>	<b><u>182.222.479.321</u></b>	<b><u>153.438.477.364</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.720.589.300	20.323.299.834
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>16.720.589.300</b>	<b>20.323.299.834</b>

**02. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	66.449.571.245	65.236.976.307
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.449.571.245	65.236.976.307
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	77.996.924	77.703.400
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>852</b>	<b>840</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU****01. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ghi chú</i>
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

**02. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.993.400	78.993.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu phổ thông	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	36.700	1.290.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.700	1.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.956.700	77.703.400
- Cổ phiếu phổ thông	78.956.700	77.703.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phân phối lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Trả cổ tức	46.622.037.000	46.621.983.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	3.261.848.815	3.637.005.815
- Quỹ dự phòng tài chính	3.261.848.815	3.637.005.815
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.465.983.088	7.810.500.000
- Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.304.739.526	1.454.802.327
<b>Cộng</b>	<b><u>59.916.457.244</u></b>	<b><u>63.161.296.957</u></b>

**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi thù lao, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát	1.304.739.526	433.802.327

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Là Công ty mẹ nắm giữ 75,6% vốn điều lệ
- Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam	Công ty có cùng công ty mẹ
- Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam	Công ty có cùng công ty mẹ

***Giao dịch với bên liên quan:***

Các giao dịch chủ yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Nội dung</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i></b>		
- Thu lãi tiền gửi	10.425.657.961	23.835.298.816
- Chi hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	8.027.294.676	5.254.788.081
- Chi trả cổ tức	35.833.916.400	35.833.916.400
- Thu phí tư vấn phát hành trái phiếu	-	3.012.500.000
<b><i>Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam</i></b>		
- Phí bảo hiểm	237.364.200	-
<b><i>Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam</i></b>		
- Phí tư vấn	5.000.000.000	-
- Thu từ ủy thác quản lý danh mục Trái phiếu	212.881.945	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****Số dư với bên liên quan:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Nội dung</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b>		
- Số dư tiền gửi không kỳ hạn	185.779.435.281	159.931.356.284
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn	77.000.000.000	387.000.000.000
- Phải thu về lãi tiền gửi	167.541.667	2.231.194.444
- Phải thu khác (phí tư vấn, phí lưu ký, khác)	7.970.367	50.246.193
<b>Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam</b>		
- Ủy thác quản lý danh mục Trái phiếu	450.000.000.000	-

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

***Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, hoạt động tự doanh, hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán</b>	<b>Hoạt động tự doanh</b>	<b>Hoạt động tư vấn</b>	<b>Hoạt động lưu ký</b>	<b>Hoạt động đầu tư khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	53.961.052.999	58.706.808.039	32.005.288.749	4.781.943.366	27.811.362.769	177.266.455.922
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	40.448.376.041	27.435.926.900	15.176.807.664	4.122.602.594	7.144.258.905	94.327.972.104
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.512.676.958	31.270.881.139	16.828.481.085	659.340.772	20.667.103.864	82.938.483.818
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	12.920.512.874	13.915.627.731	7.586.406.049	1.133.492.791	6.592.294.555	42.148.334.000
<b>Số dư cuối năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	41.701.639.030	648.902.734.552	10.080.321.083	1.633.231.010	436.901.873.369	1.139.219.799.044
Tài sản không phân bổ						58.396.628
<b>Tổng tài sản</b>	<b>41.701.639.030</b>	<b>648.902.734.552</b>	<b>10.080.321.083</b>	<b>1.633.231.010</b>	<b>436.901.873.369</b>	<b>1.139.278.195.672</b>
Nợ phải trả bộ phận	76.994.367.023	6.651.058.837	4.370.138.872	10.003.180.657	110.731.027.121	208.749.772.510
Nợ phải trả không phân bổ						4.532.696.900
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>76.994.367.023</b>	<b>6.651.058.837</b>	<b>4.370.138.872</b>	<b>10.003.180.657</b>	<b>110.731.027.121</b>	<b>213.282.469.410</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán</b>	<b>Hoạt động tự doanh</b>	<b>Hoạt động tư vấn</b>	<b>Hoạt động lưu ký</b>	<b>Hoạt động đầu tư khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	30.181.228.733	68.256.890.654	9.247.810.797	5.762.702.485	35.027.681.558	148.476.314.227
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	28.337.095.646	15.969.112.845	5.142.053.768	3.892.829.928	9.587.555.789	62.928.647.976
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.844.133.087	52.287.777.809	4.105.757.029	1.869.872.557	25.440.125.769	85.547.666.251
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	377.097.877	853.644.500	114.734.178	72.001.803	437.651.642	1.855.130.000
<b>Số dư cuối năm trước</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.207.734.533	451.538.239.711	5.780.743.707	809.508.088	606.793.783.958	1.082.130.009.997
Tài sản không phân bổ						143.402.830
<b>Tổng tài sản</b>	<b>17.207.734.533</b>	<b>451.538.239.711</b>	<b>5.780.743.707</b>	<b>809.508.088</b>	<b>606.793.783.958</b>	<b>1.082.273.412.827</b>
Nợ phải trả bộ phận	68.887.085.950	7.179.644.103	1.543.150.810	7.462.954.400	91.178.607.623	176.251.442.886
Nợ phải trả không phân bổ						6.170.105.310
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>68.887.085.950</b>	<b>7.179.644.103</b>	<b>1.543.150.810</b>	<b>7.462.954.400</b>	<b>91.178.607.623</b>	<b>182.421.548.196</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	36.073.213.615	328.784.952.160	35.519.056.962	328.861.741.210
<i>Chứng khoán thương mại</i>	<i>26.073.213.615</i>	<i>228.784.952.160</i>	<i>25.519.056.962</i>	<i>228.861.741.210</i>
- Cổ phiếu niêm yết	13.018.212.817	7.103.913.442	12.381.178.900	7.056.046.900
- Cổ phiếu chưa niêm yết	5.555.000.798	5.551.413.718	5.637.878.062	5.539.066.660
- Trái phiếu	-	215.000.000.000	-	215.000.000.000
- Chứng chỉ quỹ	7.500.000.000	1.129.625.000	7.500.000.000	1.266.627.650
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	167.376.985.221	61.925.561.287	167.376.985.221	61.925.561.287
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	606.801.960.002	209.652.256.656	600.268.692.099	209.652.256.656
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>606.801.960.002</i>	<i>209.652.256.656</i>	<i>600.268.692.099</i>	<i>209.652.256.656</i>
- Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	152.800.000.000	152.800.000.000	146.266.732.097	152.800.000.000
- Trái phiếu	454.001.960.002	56.852.256.656	454.001.960.002	56.852.256.656
Tiền và các khoản tương đương tiền	272.255.464.714	454.567.304.014	272.255.464.714	454.567.304.014
<b>Cộng</b>	<b>1.082.507.623.552</b>	<b>1.054.930.074.117</b>	<b>1.075.420.198.996</b>	<b>1.055.006.863.167</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	182.222.479.321	153.438.477.364	182.222.479.321	153.438.477.364
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.232.610.591	2.217.038.755	2.232.610.591	2.217.038.755
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.657.950.264	2.828.531.222	2.657.950.264	2.828.531.222
<b>Cộng</b>	<b>187.113.040.176</b>	<b>158.484.047.341</b>	<b>187.113.040.176</b>	<b>158.484.047.341</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và các khoản hợp tác kinh doanh được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **4. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 4 loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác.

##### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

##### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

##### ***Rủi ro về giá cổ phần***

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

##### ***Rủi ro giá hàng hóa***

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

#### **5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### ***Đầu tư chứng khoán nợ***

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và một số ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như đã trình bày ở thuyết minh V.1 trang 16. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

**6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.217.038.755	-	-	2.217.038.755
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	153.438.477.364	-	-	153.438.477.364
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.828.531.222	-	-	2.828.531.222
<b>Cộng</b>	<b>158.484.047.341</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>158.484.047.341</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.232.610.591	-	-	2.232.610.591
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	182.222.479.321	-	-	182.222.479.321
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.657.950.264	-	-	2.657.950.264
<b>Cộng</b>	<b>187.113.040.176</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>187.113.040.176</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**7. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2015

**Người lập biểu**



**Bùi Diệu Thúy**

**Kế toán trưởng**



**Phan Hải Sâm**

**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Linh Phương**